

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (sau đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Tuấn Minh	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025)
Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025)
Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch	
Ông Hoàng Văn Minh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025)
Ông Dương Bá Linh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025)
Ông Nguyễn Ngọc Đào	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025)
Ông Lê Mạnh Hoàn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thức	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Hằng	Trưởng Ban	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025)
Bà Hoàng Thị Phương Dung	Trưởng Ban	(Miễn nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025)
Bà Hoàng Thanh Mai	Thành viên	
Bà Lê Trần Anh Thư	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 06 năm 2025)

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Văn Minh Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025. Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Văn Minh

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Số: 306/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn xá
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 24 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 44 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên các xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Hà Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Trần Xuân Thường

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5801-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		584.836.146.108	537.734.045.161
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.066.523.017	28.205.454.330
Tiền	111		7.066.523.017	12.392.336.522
Các khoản tương đương tiền	112		-	15.813.117.808
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	508.674.265.700	411.640.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		508.674.265.700	411.640.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.450.540.975	92.157.336.008
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	43.204.612.620	85.720.140.151
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.390.724.144	202.337.339
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	7.855.204.211	6.318.269.642
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(83.411.124)
Hàng tồn kho	140	V.6	7.184.807.507	5.351.074.064
Hàng tồn kho	141		7.184.807.507	5.351.074.064
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.460.008.909	380.180.759
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	3.460.008.909	380.180.759
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		925.287.406.345	469.368.901.342
Tài sản cố định	220		468.895.515.559	23.292.135.284
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	468.740.108.669	23.023.688.394
- Nguyên giá	222		730.996.457.189	296.819.162.991
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(262.256.348.520)	(273.795.474.597)
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	155.406.890	268.446.890
- Nguyên giá	228		1.340.960.000	1.582.960.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.185.553.110)	(1.314.513.110)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.410.837.574	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.410.837.574	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	453.057.057.714	444.721.401.977
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		447.751.060.214	447.305.948.664
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		5.766.336.836	5.766.336.836
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(460.339.336)	(8.350.883.523)
Tài sản dài hạn khác	260		1.923.995.498	1.355.364.081
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	1.923.995.498	1.355.364.081
TỔNG TÀI SẢN	270		1.510.123.552.453	1.007.102.946.503

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		551.348.235.447	145.038.921.629
Nợ ngắn hạn	310		164.691.867.248	144.988.921.629
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	67.903.250.145	36.488.785.626
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	13.506.884.804	2.337.569.619
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	19.457.742.241	4.913.375.845
Phải trả người lao động	314		16.094.247.462	2.183.937.979
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	3.338.593.395	5.074.874.671
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.035.319.808	503.245.070
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	41.134.327.709	92.509.236.135
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.221.501.684	977.896.684
Nợ dài hạn	330		386.656.368.199	50.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	V.14	92.278.237.523	50.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	294.378.130.676	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.16	958.775.317.006	862.064.024.874
Vốn chủ sở hữu	410		958.775.317.006	862.064.024.874
Vốn góp của chủ sở hữu	411		599.101.330.000	599.101.330.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		599.101.330.000	599.101.330.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.123.771.566	1.123.771.566
Quỹ đầu tư phát triển	418		168.189.656.117	168.189.656.117
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		186.143.575.587	93.649.267.191
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		63.510.016.678	39.866.187.984
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		122.633.558.909	53.783.079.207
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.216.983.736	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.510.123.552.453	1.007.102.946.503

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc









Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Thanh Hà

Hoàng Văn Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	702.238.500.912	681.740.913.400
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		702.238.500.912	681.740.913.400
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	524.096.897.031	600.166.954.228
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		178.141.603.881	81.573.959.172
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	29.420.335.757	16.050.112.114
Chi phí tài chính	22	VI.4	7.117.436.984	6.579.803.456
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.545.120.796	2.432.740.899
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		4.334.847.455	-
Chi phí bán hàng	25	VI.5	33.994.472.034	7.181.346.853
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	19.881.355.554	16.777.618.321
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		150.903.522.521	67.085.302.656
Thu nhập khác	31	VI.7	1.570.514.547	96.068.245
Chi phí khác	32		-	124.366.512
Lợi nhuận khác	40		1.570.514.547	(28.298.267)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		152.474.037.068	67.057.004.389
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	29.623.494.423	13.273.925.182
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		122.850.542.645	53.783.079.207
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		122.633.558.909	53.783.079.207
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		216.983.736	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.047	852
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	2.047	852

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn Thị Thanh Hà

Hoàng Văn Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	152.474.037.068	67.057.004.389
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, Bất động sản đầu tư	02	11.996.550.193	3.775.008.606
Các khoản dự phòng	03	(1.518.403.419)	(131.515.353)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(14.774.130)	7.697.609
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(34.849.254.661)	(15.986.958.487)
Chi phí lãi vay	06	8.545.120.796	2.432.740.899
Các điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	136.633.275.847	57.153.977.663
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	36.060.164.977	(61.902.283.427)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.833.733.443)	(186.325.926)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	147.535.858.955	(76.283.228.999)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.648.459.567)	(1.427.725.351)
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.562.628.465)	(2.504.974.138)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.494.584.290)	(15.520.045.758)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	96.068.245
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.506.395.000)	(3.205.516.285)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	288.183.499.014	(103.780.053.976)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(457.599.930.468)	(14.379.777.171)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.500.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(972.674.265.700)	(411.640.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	875.640.000.000	191.686.439.347
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26.744.448.386	15.986.958.487
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(526.389.747.782)	(218.346.379.337)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	4.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	460.512.356.002	235.725.460.135
Tiền trả nợ gốc vay	34	(217.509.133.752)	(143.216.224.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.950.678.925)	(29.955.066.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	217.052.543.325	62.554.169.635
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(21.153.705.443)	(259.572.263.678)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	28.205.454.330	287.772.136.417
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	14.774.130	5.581.591
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.066.523.017	28.205.454.330

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hà

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá theo Quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 19/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá thành Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0203000123 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27/11/2001 và các lần thay đổi. Công ty được cấp mã số doanh nghiệp là 0200443827 và hiện hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 18 ngày 14/07/2025. Công ty có trụ sở chính đặt tại: Số 15, đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Cổ phiếu Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DXP.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 18 của Công ty là 599.101.330.000 VND được chia thành 59.910.133 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số cán bộ nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2025 là 198 người (tại ngày 01/01/2025 là 190 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: dịch vụ bốc xếp hàng hóa; kinh doanh kho bãi; vận tải và dịch vụ vận tải; đại lý vận tải, đại lý hàng hải.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là bốc xếp hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết gồm: dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ kê khai hải quan, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa, dịch vụ nâng cầu hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, môi giới thuê tàu biển; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác – dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; vận tải hành khách đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có một chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tại Hà Nội, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngày 17/10/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

5. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp)

Công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025:

- Công ty Cổ phần Vận tải biển Cảng Đoạn Xá
- Địa chỉ: phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
- Vốn điều lệ: 68.500.000.000 đồng (tỷ lệ lợi ích, quyền biểu quyết của Công ty là 92%)
- Hoạt động kinh doanh chính: Cho thuê máy móc, thiết bị và tàu biển.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các Công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở	Tỷ lệ vốn góp của công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup	Hà Nội	47,06%	47,06%	Buôn bán nguyên vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; kinh doanh bất động sản
2	Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	Hà Nội	39,00%	39,00%	Vận tải hàng, kết hợp vận tải hàng công nghệ cao theo tuyến ven biển Việt Nam

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 do năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

II. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

2. Đơn vị tiền tệ

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu bằng đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (Thông tư 200), và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư 53) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Công ty tuân thủ Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 202) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200, Thông tư 53 và Thông tư 202, các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách kế toán và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của Công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và Công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của Công ty con.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định giá trị theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

- Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm trích dự phòng của bên được đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

5. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi (tiếp)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty không có hàng tồn trích lập dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

7. Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

7. Tài sản cố định và hao mòn (tiếp)

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 13
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn, bốc dỡ hàng hóa	03 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian 3 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

10. Các khoản nợ phải trả, chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Các khoản nợ phải trả, chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

10. Các khoản nợ phải trả, chi phí phải trả và dự phòng phải trả (tiếp)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vay và chi phí đi vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được;
- Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đơn vị mà Công ty tham gia góp vốn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi tùy theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế Việt Nam hiện hành.

16. Các bên liên quan

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng hơn hình thức pháp lý. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	282.475.840	69.204.496
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.784.047.177	12.323.132.026
- Các khoản tương đương tiền (*)	-	15.813.117.808
Cộng	7.066.523.017	28.205.454.330

(*) Là các khoản tiền có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,2% - 3,7%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	508.080.000.000	508.080.000.000	411.640.000.000	411.640.000.000
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn (**)	594.265.700	594.265.700	-	-
Cộng	508.674.265.700	508.674.265.700	411.640.000.000	411.640.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,2% - 8,2%/năm.

(**) Chứng chỉ tiền gửi của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

Tài sản thế chấp là số dư tiền gửi và khoản tiền lãi của Bên thế chấp theo Hợp đồng thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá, số seri 010425-ĐXP-VPB-1, mệnh giá 20.000.000.000 VND với lãi suất 6,3%/năm của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hải Phòng với ngày đến hạn 01/10/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào Công ty liên kết

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị theo PP VSCH	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị theo PP VSCH
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup	400.000.000.000	-	413.356.215.334	400.000.000.000	-	(*)
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	47.305.948.664	-	34.394.844.880	47.305.948.664	(7.890.544.187)	(*)
Cộng	447.305.948.664	-	447.751.060.214	447.305.948.664	(7.890.544.187)	

(*) Tại ngày 01/01/2025, khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc và chưa được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu do năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	1.203.026.136	-	15.110.406.000	1.203.026.136	-	18.428.418.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	1.563.310.700	-	3.974.958.900	1.563.310.700	-	2.597.850.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	3.000.000.000	(460.339.336)	(**)	3.000.000.000	(460.339.336)	(**)
Cộng	5.766.336.836	(460.339.336)		5.766.336.836	(460.339.336)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng do Công ty này hiện tại không niêm yết trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, theo các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính đối với trường hợp này. Do đó, khoản đầu tư nêu trên đang được ghi nhận theo giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác biệt so với giá trị đã được trình bày trên báo cáo tài chính.

Tại ngày 31/12/2025, thông tin về các Công ty liên kết và các khoản đầu tư khác như sau:

Tên Công ty đầu tư	Nơi Thành lập hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup	Phòng 1303, tầng 13, toà nhà Tungshing Square, số 02 đường Ngô Quyền, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	Buôn bán nguyên vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; kinh doanh bất động sản	47,06%	47,06%
- Công ty TNHH Vận tải Hàng Công nghệ cao	Phòng 1502 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội	Vận tải hàng, kết hợp vận tải hàng công nghệ cao theo tuyến ven biển Việt Nam	39,00%	39,00%
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	Số 16 Hoàng Diệu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng đường bộ, đường biển, dịch vụ kho bãi và đại lý hàng hóa	3,53%	3,53%
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi, vận tải hàng hóa đa phương thức, dịch vụ hàng hải	0,56%	0,56%
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Tòa nhà MB, số 18 Lê Văn Lương, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội	Dịch vụ ngân hàng, dịch vụ môi giới chứng khoán, quản lý quỹ, kinh doanh địa ốc, bảo hiểm, quản lý nợ và khai thác tài sản	0,002%	0,002%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)

Tóm tắt tình hình hoạt động của các Công ty liên kết, các khoản đầu tư tài chính trong năm:

- (i) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup với giá trị tại ngày 31/12/2025 là 400.000.000.000 đồng, chiếm 47,06% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty đang hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường.
- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao với giá trị tại ngày 31/12/2025 là 47.305.026.136 đồng, chiếm 39,00% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty đang hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường.
- (iii) Tại ngày 31/12/2025, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ với số lượng 224.190 cổ phần, tương đương 1.203.026.136 đồng, chiếm 0,56% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ hiện đang niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu DVP.

Giá đóng cửa của cổ phiếu DVP tại ngày 31/12/2025 là 67.400 đồng/cổ phần, tại ngày 31/12/2024 là 82.200 đồng/cổ phần.

- (iv) Tại ngày 31/12/2025, khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Quân Đội với số lượng 119.025 cổ phần, tương đương 1.563.310.700 đồng, chiếm 0,002% vốn điều lệ.

Ngân hàng TMCP Quân Đội hiện đang niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu MBB.

Giá đóng cửa của cổ phiếu MBB tại ngày 31/12/2025 là 25.800 đồng/cổ phần, tại ngày 31/12/2024 là 25.100 đồng/cổ phần.

- (v) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Hàng hải Hải Phòng với giá trị tại ngày 31/12/2025 là 3.000.000.000 đồng, tương đương 300.000 cổ phần, chiếm 3,525% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công ty TNHH Đại lý và Môi giới Vận tải biển	12.060.324.949	7.169.849.173
- Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư xây dựng Vincons	5.954.805.720	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông	-	66.339.464.040
- Công ty Cổ phần VN ASPHALT	-	951.790.500
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Hải Phòng	-	605.977.952
- Các đối tượng khác	25.189.481.951	10.653.058.486
Cộng	43.204.612.620	85.720.140.151

Trong đó, phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số VII.2.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu vật tư giao thông	3.011.273.651	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Thành Vinh	3.853.251.478	-
- Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	-	75.000.000
- Các đối tượng khác	526.199.015	127.337.339
Cộng	7.390.724.144	202.337.339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tạm ứng	272.299.645	-	286.445.000	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22.000.000	-	16.000.000	-
- Lãi dự thu tiền gửi ngắn hạn	7.260.662.980	-	4.990.704.160	-
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	672.570.000	-
- Các đối tượng phải thu khác	300.241.586	-	352.550.482	-
Cộng	7.855.204.211	-	6.318.269.642	-

6. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Hàng mua đang đi đường	54.823.133	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	5.813.953.078	-	4.092.201.483	-
- Công cụ, dụng cụ	428.668.219	-	674.672.567	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.961.256	-	-	-
- Hàng hóa	884.401.821	-	584.200.014	-
Cộng	7.184.807.507	-	5.351.074.064	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

7. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	105.267.036	136.613.189
- Chi phí sửa chữa lớn, nạo vét	2.742.737.101	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	612.004.772	243.567.570
Cộng	3.460.008.909	380.180.759

b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	232.998.693	-
- Chi phí sửa chữa lớn	1.632.176.899	1.277.148.439
- Chi phí trả trước dài hạn khác	58.819.906	78.215.642
Cộng	1.923.995.498	1.355.364.081

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	62.221.033.501	9.940.221.561	222.304.557.725	2.353.350.204	296.819.162.991
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	814.541.137	-	455.711.206.331	-	456.525.747.468
- Mua trong năm	74.853.000	56.500.000	715.000.000	227.830.000	1.074.183.000
- Giảm do thanh lý	-	-	(23.336.704.270)	(85.932.000)	(23.422.636.270)
31/12/2025	63.110.427.638	9.996.721.561	655.394.059.786	2.495.248.204	730.996.457.189
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2025	(62.044.583.478)	(9.940.221.561)	(199.571.501.468)	(2.239.168.090)	(273.795.474.597)
- Khấu hao trong năm	(136.791.199)	(7.543.457)	(11.656.649.172)	(82.526.365)	(11.883.510.193)
- Giảm do thanh lý	-	-	23.336.704.270	85.932.000	23.422.636.270
31/12/2025	(62.181.374.677)	(9.947.765.018)	(187.891.446.370)	(2.235.762.455)	(262.256.348.520)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	176.450.023	-	22.733.056.257	114.182.114	23.023.688.394
31/12/2025	929.052.961	48.956.543	467.502.613.416	259.485.749	468.740.108.669

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 236.640.516.621 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 258.329.433.091 đồng).

Giá trị còn lại của TSCĐ đem thế chấp tại ngày 31/12/2025 là 445.037.157.382 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	1.582.960.000	1.582.960.000
- Mua trong năm	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(242.000.000)	(242.000.000)
31/12/2025	1.340.960.000	1.340.960.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2025	(1.314.513.110)	(1.314.513.110)
- Khấu hao trong năm	(113.040.000)	(113.040.000)
- Thanh lý, nhượng bán	242.000.000	242.000.000
31/12/2025	(1.185.553.110)	(1.185.553.110)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	268.446.890	268.446.890
31/12/2025	155.406.890	155.406.890

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 384.840.000 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 626.840.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Hiin Asia Pacific PTE LD	44.939.813.750	44.939.813.750	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu vật tư Giao thông	-	-	20.940.949.581	20.940.949.581
- Trafigura PTE Limited	-	-	3.618.021.600	3.618.021.600
- Các đối tượng khác	22.963.436.395	22.963.436.395	11.929.814.445	11.929.814.445
Cộng	67.903.250.145	67.903.250.145	36.488.785.626	36.488.785.626

Trong đó, phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số VII.2.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng SGC	1.453.425.600	1.453.425.600	-	-
- Công ty Xây dựng Việt Đức - (TNHH)	1.422.262.152	1.422.262.152	-	-
- Doanh nghiệp Tư nhân Xây dựng cơ bản Việt Ngân	-	-	604.526.800	604.526.800
- Công ty TNHH Thục Linh	-	-	257.309.600	257.309.600
- Các đối tượng khác	10.631.197.052	10.631.197.052	1.475.733.219	1.475.733.219
Cộng	13.506.884.804	13.506.884.804	2.337.569.619	2.337.569.619

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	682.163.474	55.498.648.215	52.273.559.580	3.907.252.109
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	16.218.944.528	16.218.944.528	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.190.117.467	29.623.494.423	18.494.584.290	15.319.027.600
- Thuế thu nhập cá nhân	41.094.904	3.037.638.079	2.847.270.451	231.462.532
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.971.965.000	5.971.965.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	4.913.375.845	110.355.690.245	95.811.323.849	19.457.742.241

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền thu lao Hội đồng quản trị	500.000.000	400.000.000
- Chi phí điện, nước, điện thoại	91.843.472	83.624.834
- Chi phí lãi vay	36.758.923	72.233.239
- Bổ sung thu nhập lương tháng 13	1.458.104.866	4.000.000.000
- Các khoản trích trước khác	1.251.886.134	519.016.598
Cộng	3.338.593.395	5.074.874.671

14. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Kinh phí Công đoàn	278.636.012	225.385.533
- Cổ tức lợi nhuận phải trả (*)	83.566.575	79.179.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	673.117.221	198.680.537
Cộng	1.035.319.808	503.245.070

(*) Tiền cổ tức còn phải trả theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 18/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2025, số tiền: 29.955.066.500 đồng (Xem chi tiết tại Thuyết minh số V.15)

b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Nhận ký cược thuê tàu từ Công ty Cổ phần Vận tải biển	90.527.400.000	-
- Đặt cọc nhiên liệu tàu Đại Vinh	1.750.837.523	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	50.000.000
Cộng	92.278.237.523	50.000.000

Trong đó, phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số VII.2.c

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	41.134.327.709	41.134.327.709	166.134.225.326	217.509.133.752	92.509.236.135	92.509.236.135
<i>Ngắn hạn</i>	<i>20.596.318.592</i>	<i>20.596.318.592</i>	<i>145.596.216.209</i>	<i>217.509.133.752</i>	<i>92.509.236.135</i>	<i>92.509.236.135</i>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (1)	20.596.318.592	20.596.318.592	63.052.743.192	42.456.424.600	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	31.132.458.417	31.132.458.417	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Quảng Ninh	-	-	21.430.582.600	113.939.818.735	92.509.236.135	92.509.236.135
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	29.980.432.000	29.980.432.000	-	-
<i>Dài hạn đến hạn trả</i>	<i>20.538.009.117</i>	<i>20.538.009.117</i>	<i>20.538.009.117</i>	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (2)	20.538.009.117	20.538.009.117	20.538.009.117	-	-	-
Vay dài hạn	294.378.130.676	294.378.130.676	314.916.139.793	20.538.009.117	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (2)	294.378.130.676	294.378.130.676	314.916.139.793	20.538.009.117	-	-
Cộng	335.512.458.385	335.512.458.385	481.050.365.119	238.047.142.869	92.509.236.135	92.509.236.135

(1) Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/630291/HĐTD ký ngày 09/09/2025 với hạn mức cho vay là 150.000.000.000 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền nhập khẩu nhựa đường. Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm Hàng hóa hình thành trong tương lai (chỉ bảo đảm cho hạn mức mở LC), Sổ tiết kiệm, tiền gửi (có kỳ hạn/không kỳ hạn), hợp đồng tiền gửi, CCTG do VIB phát hành (chỉ nhận VND/USD) thuộc sở hữu của bên vay hoặc bên thứ 3 và Hàng hóa tồn kho luân chuyển là nhựa đường các loại để tại kho Tratimex hoặc cho kho gửi giữ bởi bên thứ 3, giao trách nhiệm cho công ty quản lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)

Các hợp đồng tín dụng cụ thể cho từng lần giải ngân bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 05/2025/630291/HĐTD ngày 26/08/2025 với số tiền vay là 14.739.118.592 đồng với lãi suất cho vay là 4,2%/năm, cố định trong thời gian vay vốn, thời hạn cho vay từ ngày giải ngân đến 26/01/2026.
- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 06/2025/630291/HĐTD ngày 20/10/2025 với số tiền vay là 3.676.663.000 đồng với lãi suất cho vay là 4,3%/năm, cố định trong thời gian vay vốn, thời hạn cho vay từ ngày giải ngân đến 20/03/2026.
- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 07/2025/630291/HĐTD ngày 03/11/2025 với số tiền vay là 2.180.583.000 đồng với lãi suất cho vay là 4,3%/năm, cố định trong thời gian vay vốn, thời hạn cho vay từ ngày giải ngân đến 03/04/2026.

(2) Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Vận tải biển Cảng Đoạn Xá tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (MB) theo Hợp đồng cấp tín dụng số 328801.25.056.39849194.TD ngày 05/09/2025 có hạn mức tín dụng là 315 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2025, số dư vay là 314.916.139.793 đồng với lãi suất 6,5%/năm, cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu; sau đó lãi suất được xác định bằng lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau của khách hàng cá nhân theo công bố của MB tại ngày điều chỉnh, cộng biên độ 3%/năm, với kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần. Mục đích vay là tài trợ thanh toán chi phí mua tàu biển Eastern Orchid (IMO 9827970) theo MOA ngày 31/07/2025 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải biển Cảng Đoạn Xá và Eastern Juniper Shipping Pte Ltd.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm: quyền đòi nợ theo Hợp đồng thuê tàu trần số 01/2025/HĐ/ĐXP-VOS ngày 31/07/2025 giữa Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam và Công ty Cổ phần Vận tải biển Cảng Đoạn Xá; tàu biển hình thành trong tương lai là tàu Eastern Orchid (hồ hiệu D5SB7, IMO 9827970, loại tàu chở dầu/hóa chất) theo Hợp đồng mua bán tàu ngày 31/07/2025 giữa Eastern Juniper Shipping Pte Ltd và Công ty Cổ phần Vận tải biển Cảng Đoạn Xá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
01/01/2024	599.101.330.000	1.123.771.566	168.189.656.117	71.727.285.234	-	840.142.042.917
- Lãi trong năm trước	-	-	-	53.783.079.207	-	53.783.079.207
- Trích lập các quỹ	-	-	-	(1.904.230.750)	-	(1.904.230.750)
- Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(29.955.066.500)	-	(29.955.066.500)
- Giảm khác	-	-	-	(1.800.000)	-	(1.800.000)
31/12/2024	599.101.330.000	1.123.771.566	168.189.656.117	93.649.267.191	-	862.064.024.874
01/01/2025	599.101.330.000	1.123.771.566	168.189.656.117	93.649.267.191	-	862.064.024.874
- Tăng vốn	-	-	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
- Lãi trong năm này	-	-	-	122.633.558.909	216.983.736	122.850.542.645
- Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	(2.750.000.000)	-	(2.750.000.000)
- Trả cổ tức bằng tiền (ii)	-	-	-	(29.955.066.500)	-	(29.955.066.500)
- Điều chỉnh khác (*)	-	-	-	2.565.815.987	-	2.565.815.987
31/12/2025	599.101.330.000	1.123.771.566	168.189.656.117	186.143.575.587	4.216.983.736	958.775.317.006

(*) Khoản điều chỉnh theo phương pháp Vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết cho năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2025, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 để trích lập Quỹ khen thưởng; Quỹ khen thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Quỹ phúc lợi với số tiền lần lượt là 700.000.000 đồng; 1.350.000.000 đồng và 700.000.000 đồng.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2024, Công ty đã phê duyệt chia cổ tức năm 2024 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu với tổng số tiền là 29.955.066.500 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025		01/01/2025	
	Số tiền góp vốn	Tỷ lệ vốn góp	Số tiền góp vốn	Tỷ lệ vốn góp
	VND	%	VND	%
- Ông Hoàng Văn Quang	78.051.600.000	13,03%	78.051.600.000	13,03%
- Ông Nguyễn Văn Thức	55.000.000.000	9,18%	55.000.000.000	9,18%
- Các cổ đông khác	466.049.730.000	77,79%	466.049.730.000	77,79%
Cộng	599.101.330.000	100%	599.101.330.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	599.101.330.000	599.101.330.000
+ Vốn góp cuối năm	599.101.330.000	599.101.330.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(29.955.066.500)	(29.955.066.500)

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	59.910.133	59.910.133
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	59.910.133	59.910.133
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>59.910.133</i>	<i>59.910.133</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.910.133	59.910.133
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>59.910.133</i>	<i>59.910.133</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	168.189.656.117	168.189.656.117
Cộng	168.189.656.117	168.189.656.117

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2025	01/01/2025
Ngoại tệ các loại (USD)	22.927,90	5.488,29

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Doanh thu bán hàng	472.556.756.662	569.986.118.734
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	229.378.140.548	111.754.794.666
- Doanh thu khác	303.603.702	-
Cộng	702.238.500.912	681.740.913.400

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số VII.2.b.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	427.064.295.104	541.327.245.782
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	96.728.998.225	58.839.708.446
- Giá vốn khác	303.603.702	-
Cộng	524.096.897.031	600.166.954.228

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi	27.857.749.706	14.253.783.487
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.156.657.500	1.733.175.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	389.516.306	57.572.036
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.412.245	5.581.591
Cộng	29.420.335.757	16.050.112.114

4. Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí lãi vay	8.545.120.796	2.432.740.899
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.558.115	4.348.709.834
- Chi phí tài chính khác	4.750.368	13.279.200
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(1.434.992.295)	(214.926.477)
Cộng	7.117.436.984	6.579.803.456

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

5. Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nhân công	5.938.422.411	1.730.818.719
- Chi phí vật liệu quản lý	709.058.437	-
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	338.689.199	126.444.803
- Chi phí khấu hao TSCĐ	476.932.505	99.284.232
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.952.746.252	3.603.084.830
- Chi phí bằng tiền khác	8.578.623.230	1.621.714.269
Cộng	33.994.472.034	7.181.346.853

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	9.796.496.596	7.797.976.382
- Chi phí vật liệu quản lý	490.005.064	387.261.436
- Chi phí đồ dùng văn phòng	268.405.932	252.745.460
- Chi phí khấu hao TSCĐ	882.389.693	842.419.714
- Thuế phí, lệ phí	4.238.660.643	4.235.557.800
- Chi phí dự phòng	(83.411.124)	83.411.124
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.749.084.269	1.874.746.218
- Chi phí bằng tiền khác	1.539.724.481	1.303.500.187
Cộng	19.881.355.554	16.777.618.321

7. Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.500.000.000	-
- Thu nhập khác	70.514.547	96.068.245
Cộng	1.570.514.547	96.068.245

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	9.531.741.812	6.324.770.699
- Chi phí nhân công	62.032.759.999	37.778.814.810
- Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	(83.411.124)	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	11.920.293.888	3.775.008.606
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.001.353.411	29.485.071.090
- Chi phí bằng tiền khác	16.505.691.529	5.990.331.354
Cộng	150.908.429.515	83.353.996.559

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ	28.945.420.246	13.273.925.182
- Chi phí thuế TNDN tại Công ty con	678.074.177	-
Cộng	29.623.494.423	13.273.925.182

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	122.633.558.909	53.783.079.207
- Trừ: Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi	-	(2.750.000.000)
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	122.633.558.909	51.033.079.207
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	59.910.133	59.910.133
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.047	852

Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc trích vào Quỹ khen thưởng; Quỹ khen thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Quỹ phúc lợi năm 2024 với số là: 2.750.000.000 đồng (xem chi tiết tại Thuyết minh số V.15a).

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Công ty xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các Bên liên quan

a) Các bên liên quan

Tên bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup	Công ty liên kết
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần VN ASPHALT	Công ty con của Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông	Cùng thành viên Ban Lãnh đạo
- Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	

b) Giao dịch với các bên liên quan

Thù lao, phụ cấp của Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Ông Bùi Tuấn Minh	Chủ tịch (từ ngày 06/06/2025)	105.000.000	-
- Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch (đến ngày 06/06/2025)	105.000.000	100.000.000
- Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch	175.000.000	100.000.000
- Ông Hoàng Văn Minh	Thành viên (từ ngày 06/06/2025)	87.500.000	-
- Ông Dương Bá Linh	Thành viên (từ ngày 06/06/2025)	17.500.000	-
- Ông Nguyễn Ngọc Đào	Thành viên (đến ngày 06/06/2025)	17.500.000	100.000.000
Cộng		507.500.000	300.000.000

Thù lao của Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Bà Trần Thị Hằng	Trưởng ban	45.000.000	20.000.000
- Bà Lê Trần Anh Thư	Thành viên	30.000.000	-
- Bà Hoàng Thanh Mai	Thành viên	10.000.000	15.000.000
Cộng		85.000.000	35.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. Giao dịch và số dư với các Bên liên quan (tiếp)

b) Giao dịch với các Bên liên quan (tiếp)

Thu nhập của cán bộ quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Ông Hoàng Văn Minh	Tổng Giám đốc	860.923.625	106.274.380
- Ông Lê Mạnh Hoàn	Nguyên Tổng Giám đốc	-	936.822.887
- Ông Trần Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	1.456.510.770	668.607.707
- Ông Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	879.863.557	82.058.170
- Ông Nguyễn Văn Thức	Phó Tổng Giám đốc	527.636.000	471.577.415
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Kế toán trưởng	405.768.640	8.510.638
Cộng		4.130.702.592	2.273.851.197

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Bên liên quan	12.914.360.794	151.159.202.233
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	4.276.000	6.952.000
- Công ty Cổ phần VN ASPHALT	7.030.007.779	57.777.181.213
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông	5.880.077.015	93.375.069.020
Mua hàng hóa, dịch vụ từ Bên liên quan	267.381.774.546	49.946.337.862
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	9.086.723.293	2.978.453.070
- Công ty Cổ phần VN ASPHALT	4.466.238.133	5.549.343.111
- Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	-	1.220.025.957
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông	253.828.813.120	40.198.515.724
Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức cho Bên liên quan	5.584.520.375	9.994.535.500
- Ông Hoàng Văn Quang	169.290.000	4.071.870.000
- Ông Hoàng Văn Minh	7.355.375	-
- Ông Nguyễn Văn Thức	2.612.500.000	5.362.500.000
- Ông Bùi Tuấn Minh	2.795.375.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông	-	560.165.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. Giao dịch và số dư với các Bên liên quan (tiếp)

c) Số dư với các Bên liên quan

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	14.822.158.469	73.399.730.102
- Công ty Cổ phần VN ASPHALT	489.263.639	951.790.500
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông	1.130.263.342	66.339.464.040
Phải trả người bán ngắn hạn	6.601.315.744	3.054.237.781
- Công ty Cổ phần VN ASPHALT	211.178.289	1.370.930.000
- Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	5.259.874.113	1.683.307.781
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông	1.130.263.342	-
Phải trả khác	500.000.000	400.000.000
- Các thành viên Hội đồng quản trị	500.000.000	400.000.000

2. Báo cáo bộ phận

a. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Năm 2024 Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ bốc xếp hàng hóa tại thành phố Hải Phòng, hoạt động thương mại là hoạt động không thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

Số 15, đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. Báo cáo bộ phận (tiếp)**b. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động dịch vụ cảng biển VND	Hoạt động bán hàng VND	Hoạt động cho thuê tài sản VND	Hoạt động khác VND	Cộng VND
Năm 2025					
- Doanh thu bán ra bên ngoài	212.488.577.449	472.556.756.662	16.889.563.099	303.603.702	702.238.500.912
- Giá vốn về hàng bán và dịch vụ cung cấp	89.141.890.612	427.064.295.104	7.587.107.613	303.603.702	524.096.897.031
Lợi nhuận gộp	123.346.686.837	45.492.461.558	9.302.455.486	-	178.141.603.881
- Doanh thu tài chính	8.902.225.220	19.797.801.498	707.589.539	12.719.500	29.420.335.757
- Chi phí tài chính	2.153.647.312	4.789.530.811	171.181.729	3.077.132	7.117.436.984
- Lãi/lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	1.311.670.562	2.917.045.208	104.257.570	1.874.115	4.334.847.455
- Chi phí bán hàng	10.286.301.583	22.875.871.129	817.602.253	14.697.069	33.994.472.034
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.015.849.251	13.378.743.670	478.167.188	8.595.446	19.881.355.554
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	115.104.784.473	27.163.162.654	8.647.351.425	(11.776.032)	150.903.522.521
- Thu nhập khác	475.218.037	1.056.845.017	37.772.501	678.992	1.570.514.547
- Chi phí khác	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	475.218.037	1.056.845.017	37.772.501	678.992	1.570.514.547
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	115.580.002.510	28.220.007.671	8.685.123.926	(11.097.040)	152.474.037.068
TÀI SẢN					
- Tài sản ngắn hạn	176.964.094.913	393.553.289.979	14.065.914.898	252.846.318	584.836.146.108
- Tài sản dài hạn	279.980.383.375	622.652.866.732	22.254.120.237	400.036.001	925.287.406.345
Tổng tài sản	456.944.478.288	1.016.206.156.711	36.320.035.135	652.882.319	1.510.123.552.453
NỢ PHẢI TRẢ					
- Nợ ngắn hạn	49.833.696.876	110.825.958.039	3.961.009.942	71.202.391	164.691.867.248
- Nợ dài hạn	116.997.375.583	260.192.340.724	9.299.486.029	167.165.863	386.656.368.199
Tổng nợ phải trả	166.831.072.459	371.018.298.763	13.260.495.971	238.368.254	551.348.235.447

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thảo

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hà

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Minh